

Khu địa chỉ.

LƯU ĐỨC HẠNH

# Khổ học thành tài



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Nguyễn Khuyến. T. 17

302  
KH/450/H

LƯU ĐỨC HẠNH

ĐC 579



# KHỔ HỌC THÀNH TÀI

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

# L

## ỜI ĐẦU SÁCH



**N**gười xưa nói: "Ấu bất học bất tri lý, lão bất học lão hà vi" (Nhỏ không học không biết cái lẽ - đạo đức và học vấn; già không học không biết làm việc gì). Bây giờ thì học để lập thân, lập nghiệp, biết sống trong xã hội hiện đại. Như vậy là, đã làm người bình thường đều phải học, dù khi trẻ hay đến lúc về già.

Tuy nhiên, cuốn sách nhỏ này lại muốn kể chuyện học hành, sự nghiệp của những người đã đạt danh vị cao, lưu tên tuổi với đời, với muôn đời; có đóng góp nhất định cho đất nước, hay cho nhân loại trong các lĩnh vực khác nhau. Những tên người viết hoa như thế, dù xuất hiện trên thế gian này không ai giống ai, nhưng đều có điểm chung là

"khổ học thành tài". "Khổ học thành tài", ở đây được hiểu theo hai nét nghĩa chính: vượt qua hoàn cảnh khổ cực và khổ công, say mê trau dồi, nâng cao kiến thức bằng suốt đời học tập nên đạt được thành công lớn, có cống hiến lớn.

Ngoài dụng ý chính này, cuốn sách cũng muốn phác họa, góp phần soi tỏ chân dung các nhân vật nổi tiếng được nói tới - những bức chân dung đẹp mà khi tiếp xúc, chắc chắn người đọc sẽ rút ra được những bài học bổ ích.

Để hoàn thành cuốn sách, chúng tôi đã tham khảo một số tác phẩm của chính những người mình viết, một số cuốn viết về họ, cũng như một số báo, tạp chí, tập san, kỷ yếu. Nhân đây xin được gửi lời tri ân.

Nếu có gì khiếm khuyết, chúng tôi mong nhận được sự lượng thứ, cùng những góp ý chân tình.

TÁC GIẢ

# TỪ NGƯỜI HỌC TRÒ NGHÈO THÀNH VỊ TẾ TƯỚNG GIỎI



**Ô**ng tên là Nguyễn Quán Nho sinh năm 1638 đời vua Lê Thần Tông, người làng Văn Hà, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, nay thuộc thị trấn Văn Hà, huyện lỵ huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Cậu Nho mồ côi cha từ nhỏ. Bà mẹ, ngày ngày cấy mướn, làm thuê. Cứ thế, hai mẹ con lặn lội mà sống. Nhưng gia đình mẹ goá con côi này đã làm cho người dân trong vùng khâm phục vì dù hoàn cảnh có khó khăn thế nào bà mẹ vẫn một lòng quyết chí nuôi con ăn học, còn đứa bé vừa sáng dạ vừa hiếu học. Ngay từ thuở tóc còn để chỏm, cậu Nho đã say mê chuyện học hành. Mẹ làm thuê ở nhà nào đều mang cậu theo đến đó.

Đáng lẽ thơ thần chơi, thì cậu bé lại chỉ có cái thú đứng ngoài nghe thầy đồ giảng chữ, giải nghĩa cho con của chủ nhà. Rồi bẻ que tập viết xuống đất. Viết viết, xoá xoá thế mà cũng nhập tâm được ối chữ! Khi mẹ bảo, phải biết tôn trọng chữ Thánh hiền thì mới nên người được. Xưa nay thấy chữ không ai dám giẫm lên hoặc bước qua mà nhặt lấy đem đốt đi. Thế là cậu không viết xuống đất nữa mà viết trên các thân cây xương rồng. Sau nghĩ ra cách lấy lá chuối xé rời, xếp thành tập như tập sách để viết, đều có thể ôn, học được ít ngày. Thấy Nguyễn Quán Nho thông minh, ham học, có những thầy đồ như thầy Trịnh Cao Để đã tận tình giúp đỡ, tạo điều kiện để cậu bé được học thành tài.

Người trong vùng đến nay vẫn còn lưu giữ nhiều giai thoại tốt đẹp về ông.

Có đạo dân làng Văn Hà lấy làm lạ, hễ bà mẹ đi làm xa dăm bảy ngày là cậu Nho lại sang hàng xóm mượn nồi để nấu cơm. Cậu không mượn của nhà ai hai bữa liền, hết vòng mới quay mượn trở lại. Mà cứ nhè lúc nhà vừa ăn xong mới mượn, không để gia chủ kịp chùi rửa, khi trả thì nồi sạch bong. Một ông hàng xóm bán khoán mãi bèn rắp tâm theo dõi. Thì ra Nho mượn về, rồi nhặt những hạt cơm còn dính ở đáy nồi làm bữa, chứ có nấu nướng gì đâu! Từ đó mỗi lần đến phiên "cho mượn nồi", ông ta lại bảo vợ con nấu nhiều lên một tí, để có chút cơm cháy dành phần cho cậu trò nhỏ.

Sau đó, tin này lan ra khắp xóm nên nhà nào cũng làm như ông.

Nguyễn Quán Nho lớn lên có phần nhờ vào những miếng cơm cháy ấy nên khi đỗ đạt, làm quan, mỗi lần về thăm làng, ông thường tự nói vui "Tôi là thằng cháy đây!". Từ đó dân trong vùng cũng gọi ông là "Quan Cháy".

Lại có lần, cậu Nho nằng nặc xin mẹ cho theo chân đi chợ. Đến chợ, cậu chầu chực ở hàng cơm xin cho được mấy cái vỏ trứng lạnh lặn. Về nhà, học Xa Dân đời nhà Tấn bên Trung Quốc, cậu khoét vỏ trứng, bắt đom đóm bỏ vào làm đèn học ban đêm để đỡ tốn dầu. Cho nên Nguyễn Quán Nho còn được gọi là "Ông Lửa".

Người ta còn truyền tụng một chuyện hư hư thực thực về ông, nhưng cũng là để nói rằng, đây là một con người tài trí, có công mài sắt ắt có ngày nên kim. Ấy là một lần nhờ độ đường, Nguyễn Quán Nho xin vào nghỉ chân tại một nhà nọ. Nhà này có hai cô con gái đã đến tuổi kén chồng. Đêm hôm trước chủ nhà được thần báo mộng, ngày mai sẽ có quan nghè ghé qua nhà nên tuy không biết như thế nào, nhưng ông cũng cho quét dọn nhà cửa để đón tiếp. Đợi suốt ngày không thấy, ông có ý bán khoán. Trời vừa tối thì Nguyễn Quán Nho đến. Nhìn anh học trò gầy guộc, ăn mặc nghèo nàn xin nghỉ nhờ, ông chủ tỏ ý không vui. Ông nghĩ, chắc người thần báo mộng không thể như thế! Đang khi phân vân

thì cô con gái thứ hai thưa: "Chẳng hiểu giấc mộng của cha đúng sai thế nào, con chỉ thấy người này đúng là học trò nghèo, dáng vẻ hiền lành, tử tế, vả lại cũng tối rồi, người ta biết đi đâu, cha nên cho nghỉ lại". Cô chị tỏ vẻ không bằng lòng, vì suốt cả ngày nay, cô lo trang điểm, chú ý cả bước đi, nước bước để mong được đón một ông tiến sĩ trẻ tuổi, giờ người ấy đâu chả thấy, lại nẩy ra một hàn sĩ "cản mũi kỳ đà" thế này! Song ông bố đã vui lòng bảo cô em chuẩn bị chỗ nghỉ, rồi dọn cơm mời khách. Vốn tính hay thương người, cô lược thêm cho người khách nghèo một quả trứng gà. Thế nhưng khi bê mâm lên, mở lồng bàn ra thì chỉ thấy cái đĩa không. Gia chủ lúng túng chưa biết giải thích thế nào về cái đĩa không này, khách đã bình thần hốt một ít cơm trên bỏ vào đĩa rồi để sang bên. Tổ ý hiểu cái đĩa là dùng đựng cơm hốt nôi. Ông bố thấy có cảm tình với anh học trò nghèo. Trong lòng ông thoáng nghĩ, hay đây chính là người thần nhân báo cho ta đón tiếp. Nghĩ vậy, nên ông có ý thử tài. Đợi khách ăn xong, ông liền nói thật về chuyện quả trứng bị mất rồi ngỏ ý nhờ chàng xử hộ việc mất trứng. Sau một hồi từ chối không được, Nguyễn Quán Nho đành phải phân xử, tìm ra thủ phạm. Chàng nói với ông chủ cho gọi tất cả người nhà đến, bắt mỗi người hớp một ngụm nước, xúc miệng nhổ ra sân, ai vừa ăn trứng thì biết ngay. Cô chị, người đã ăn mất trứng "cho bỏ ghét" biết không thể giấu nên



đành thú thật. Ông bố càng đĩnh ninh, rằng chàng thư sinh nghèo đang ngồi trước mặt mình là người thần báo mộng tối qua nên càng niềm nở tiếp đón. Khi biết gia cảnh nghèo khó và chí theo đòi nghiên bút của chàng, ông bèn tỏ lòng muốn kén chàng làm rể, gả cô con gái thứ hai vừa đẹp người, đẹp nét cho chàng, hứa chu cấp để chàng công thành danh toại. Nguyễn Quán Nho cảm tạ tấm lòng của ông rồi thưa lại, vì chưa được phép mẹ nên không dám tự quyết, khiến ông bố thêm mển phực.

Năm 1657, Nguyễn Quán Nho đậu cử nhân, khoa thi Đinh Dậu. Sau 6 năm tập sự tại Bộ Lễ, ông được bổ làm quan ở Bộ Hộ, Bộ Hình rồi Bộ Lại, thăng đến Tả Thị lang, hàm tam phẩm. Nhưng ước vọng đồ đại khoa (tiến sĩ trở lên) để vinh quy bái tổ, cho mẹ được vẻ vang vẫn canh cánh bên lòng nên ông Nho không quên dùi mài kinh sử. Năm 1667, khoa Đinh Mùi, khi vua Lê Huyền Tông (1663 - 1671) cho các quan mới đỗ trung khoa ứng thí, Nguyễn Quán Nho lại một lần nữa lều chõng đi thi. Lần này ông đỗ tiến sĩ.

Theo lệ quy định từ đời Trần Duệ Tông (1372 - 1377), các tiến sĩ tân khoa được vua ban cờ biển cân đai, đón rước trở về quê hương bản quán bái tổ tiên. Trong lòng Nguyễn Quán Nho thực là sung sướng vì nghĩ đã đền đáp được công lao của mẹ già. Chắc là lòng mẹ vui lắm. Đoàn rước vừa sang qua bến đò Văn Hà, ông Nghè Nho đã háo hức vén rèm kiệu,

dôi tìm bóng mẹ trong nhóm quan viên làng xã. Nhưng ông vừa thất vọng vừa lo lắng nôn nao, bởi chẳng thấy mẹ đâu. Hay mẹ bị ốm nặng?

Kiểu dừng ở đình làng, ông vội vàng bước xuống, khi nghe lý trưởng bẩm, bà còn làm cố chưa chịu về, Nguyễn Quán Nho mới thở phào nhẹ nhõm, như cất được gánh nặng đè lên ngực. Thì ra, mặc dù được tin con, bà rất vui, nhưng lúc hương lý cho người mời ra dự lễ, bà lại đang dở vớt bèo lợn ngoài đồng. Người đi mời tỏ ý nóng ruột, cứ nhắc quan Nghè sắp đến đình rồi, có lẽ quan Nghè đến đình rồi, mà bà vẫn điềm tĩnh: "Nó đồ là việc của nó, làm sao lại phải phiền dân làng đón rước. Chẳng biết nó có còn nhớ việc vớt bèo nấu cám, đánh thùng kéo đi kéo lại gần gãy cột nhà không?". Nghe thuật lại lời mẹ, Nguyễn Quán Nho vội vã tháo hia, bỏ mũ, cởi quan phục, chạy vội ra ruộng, khiến quan viên cũng phải lật đật chạy theo. Đến ruộng, quan Nghè lội ngay xuống, cầm sào gạt dồn bèo, bốc cho đầy rổ, rửa sạch tự tay bưng về nhà cất đầu vào đấy rồi mới mời mẹ ra đình làm lễ. Vậy nên ở Thanh Hóa đến nay còn truyền tụng câu "Vinh quy bái tổ sau rổ bèo đầy".

Từ khi đỗ tiến sĩ, Nguyễn Quán Nho càng được trọng dụng. Làm Đốc bộ Hải Dương - Quảng Ninh, rồi về kinh làm Đô Ngự sử. Năm lần là Phó sứ, Chánh sứ sang Trung Quốc, tài tình, khôn khéo giữ vững uy tín quốc gia. Nguyễn Quán Nho giữ chức Tham tụng (Tể tướng) năm 1692.

Bà mẹ ông là một tử mẫu dạy con rất nghiêm. Chuyện kể, ông Nho làm quan xa, chỉ bán khoán một nỗi mẹ già lúc trái gió, trở trời không được ở gần chăm sóc. Nhưng muốn đưa mẹ cùng đi thì bà nhất mực không chịu. Bà nói: "Trung vua yêu nước là bốn phận của con. Ởn vua lộc nước phải đền. Mẹ ở nhà nuôi con gà con lợn rồi nó lại nuôi mình, chỉ mong nhất là con biết thương dân, đừng cậy quyền, cậy thế làm hại dân". Có lần, ông mua một cái áo lụa quý và cho người đem về biếu mẹ. Ông đoán: nhận được áo chắc mẹ vui lắm. Người ấy trở lại nhiệm sở, đưa cho ông một gói nhỏ bảo là quà của cụ gửi ra. Ông vui mừng mở ra xem, rồi hốt hoảng, vì thấy một nắm tro. Hỏi ra, người kia thưa, nhận được quà, cụ bảo: "Mới làm quan một năm mà đã lấy của dân sắm cho ta áo lụa, hấn làm quan đến mười năm thì sắm đến những thứ gì". Rồi tự tay đốt áo gói tro gửi trả.

Nghe tin con làm Tể tướng, rất được ngợi ca, phần nhớ con, phần không biết con có thật sự liêm chính, bà mẹ ông Nguyễn Quán Nho đánh đường ra tận kinh thành thăm nom. Gặp nhau, mẹ con vui mừng khôn xiết. Nhân câu chuyện, bà ngỏ lời, con nay quyền cao chức lớn, mẹ thì mỗi tuổi một già, nên muốn con chu cấp, càng nhiều càng quý. Ông Nho thưa vâng, và phao tin sắp đắp một con đường chạy qua một số nhà giàu. Thế là nhà nào nhà ấy hoảng hốt, đem biếu xén rất nhiều của cải, vì ai cũng muốn con đường không cắt ngang nhà để

khỏi đứt long mạch, mất đất phát. Ai đứt lót bao nhiêu Nguyễn Quán Nho cũng nhận, ghi chép cẩn thận. Sau đó ông xin dâng toàn bộ sổ của cải ấy cho bà. Bây giờ bà mẹ mới vui vẻ. Bà bảo: "Hoá ra vài chục năm nay con thực sự sống thanh liêm theo lời mẹ dạy. Con cũng biết cách làm giàu phi nghĩa, nhưng đã không làm. Nay nỡ nào khi gần đất xa trời, mẹ lại biến con thành tham quan được. Mẹ chỉ muốn thử con thôi! Bây giờ những thứ này của ai thì trả lại cho người ta, chứ mẹ có cần lấy làm gì!". Tể tướng Nguyễn Quán Nho khoanh tay thưa: "Con cũng nghĩ là mẹ thử con nên thử gì của ai đứt lót, con đều cho ghi chép đầy đủ, đánh dấu chính xác. Con sẽ trả hết cho từng người, không thiếu một ly. Dân Kinh thành Thăng Long biết đầu đuôi câu chuyện, người người đều ngợi ca.

Lại kể, năm ông Nguyễn Quán Nho làm Đô Ngự sử, xứ Thanh Hóa nước dâng to, đe vỡ, sâu bọ phá hoại, dân chúng nhiều người li tán xiêu dạt. Ông đã tâu lên vua chúa cảnh tình khốn khổ, nhiều nhà đến cám cũng không có mà ăn. Vua cho vời Lê Hy cũng người Thanh Hoá, ở Đông Sơn, vào hỏi và bảo cho xem cám thế nào. Lê Hy sai người giã gạo nếp thành bột, trộn với đường dâng lên. Bất bình với việc làm của Lê Hy, cố tình bưng bít sự thật, Nguyễn Quán Nho liền tâu bày, rồi dâng vua món cám thật, dân đang phải ăn - cám trộn củ chuối. Ném một miếng nhỏ, vua cố rướn cổ lên cũng không nuốt nổi. Bèn nổi giận: "Nhà ngươi dâng trẫm thứ cám gì mà

chất như vậy không giống cám của Lê Hy. Cám này người ăn sao được. Người ăn thử ta xem”.

Nguyễn Quán Nho bốc một nắm nhỏ, nhai kỹ, chiêu một ngụm nước, nuốt dễ dàng, rồi thưa: “Tâu bệ hạ, sống ở quê, lúc nhỏ hạ thần có lần đã phải ăn như vậy. Nay dân nhiều người không có nổi cám này để ăn nên chết đói đầy đường”. Sau đó, nhà vua xuống chiếu “giảm tế lễ, bỏ bớt, giảm một số loại thuế, phát chẩn cứu đói cho dân”.

Năm Bính Dần (1696), Nguyễn Quán Nho đương chức Tham tụng, chức quan như tể tướng, đứng đầu chính phủ bên phủ chúa. Một lần Khang Vương Trịnh Căn vời ông và Lê Hy vào triều bàn việc khảo sát các quan. Ông tỏ ý bất an chuyện này cùng Đặng Đình Tướng, Thái giám Ngô Phan Lân tâu lại với chúa nên ông đã bị hạ chức, để Lê Hy lên thay. Chỉ vài ba năm, dân gian truyền ngôn: “Tham tụng Văn Hà, thiên hạ âu ca, Tham tụng Lê Hy, thiên hạ sầu bi”. Lời đồn đến tai chúa, năm Nhâm Ngọ (1702), Nguyễn Quán Nho lại được khôi phục chức cũ cho đến khi trí sĩ (về hưu) năm 70 tuổi - Đinh Hợi (1707). Như vậy là, từ một người học trò nghèo, Nguyễn Quán Nho trở thành vị tể tướng giỏi, đứng đầu trăm quan, trải thờ bốn đời vua (Lê Huyền Tông, Lê Gia Tông, Lê Hy Tông, Lê Dụ Tông) trong 50 năm. Nức tiếng là người làm cho muôn dân hát mừng. Đại Nam Quốc sử diễn ca, từng ca tụng:

*Bởi ai thiên hạ âu ca*

*Chẳng quan tham tụng Văn Hà là chi!*

Câu đối ở đền thờ ông ở quê nhà còn ghi: "Trung quân ái quốc thiên cổ hoàn nhân/Bái tướng phong công tứ triều nguyên lão" (Trung vua, yêu nước muôn năm có ông là trọn vẹn/Làm tướng, phong tước công, bấy tôi hàng đầu trải bốn triều).

Là người khổ học thành tài, nên mặc dù phải đảm nhiệm nhiều việc lớn, Nguyễn Quán Nho vẫn dành nhiều thời gian cho việc học. Ông từng làm chủ khảo các kỳ thi Hương, thi Hội và dạy ở Quốc Tử Giám mà học trò phần lớn là con các đại thần, có cả con vua cháu chúa. Đối với loại trò này ông rất mực nghiêm khắc. Ông nghĩ, nếu không rèn đến nơi thì sau này ra đời cũng một việc sai nhưng họ địa vị cao, tác hại ắt lớn, tội gây ra càng to. Nhờ có ông rèn cặp, nên sau này nhiều người làm được việc ích nước lợi dân. Một hoàng tử đã viết về thầy Nguyễn Quán Nho: "Ngày trước tôi đã đưa túi trầu vàng đến hầu thầy mà thầy không nhận, bảo cho lại tôi. Khi bấy giờ tôi chẳng giám ép. Tôi thấy lòng thầy tận trung. Trước là chấp (theo) phép nước, sau là yêu tôi mà thầy giữ lấy điều chính. Tôi đã được ân nghĩa ấy, mai sau chẳng giám quên đâu... Tôi có lời kính bái thầy".

Nguyễn Quán Nho mất ngày 12 tháng 8 năm Mậu Tý (1708), được phong tước Quận công.

ĐC 539

## HUYỆN ĐI HỌC THI CỦA THI HÀO NGUYỄN KHUYẾN

.....

**N**guyễn Khuyến tên thật là Nguyễn Văn Thắng, sinh năm 1835, người làng Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Từ nhỏ, tóc còn để chỏm, đầu trông như trái đào đã nổi tiếng thông minh, hiếu học. Cậu học với bố, một ông đồ nghèo, thường ngồi dạy học ở các nhà giàu trong vùng. Mười bốn tuổi thì học hết sách thánh hiền: Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học, Trung dung - gọi là *tứ thư*; kinh Thư, kinh Thi, kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Xuân Thu - gọi là *ngũ kinh*; rồi Bắc sử (lịch sử Trung Quốc) và Nam sử (lịch sử nước ta). Năm 15 tuổi anh khóa Thắng đỗ đầu xứ (đỗ đầu kỳ kiểm tra của tỉnh, trước khi thi Hương), nhưng thân phụ mất phải ở nhà chịu tang. Mấy khoa thi Hương liên tiếp

sau đó, không hiểu sao "khóa vẫn hoàn khóa", anh đều thi trượt. Gia cảnh càng ngày càng nghèo khó, Nguyễn Văn Thắng vẫn không nản chí, vừa dạy học vừa sôi kinh nấu sử. Chỉ một tháng một lần (hoặc hơn) đến dự kỳ *đại tập* (nhận đề thi - giống như đề thi thật, làm bài, nghe đánh giá chất lượng) ở trường quan Đốc học quy ẩn Phạm Văn Nghị. Phạm Văn Nghị đỗ hoàng giáp năm 1838 (khoa cử phong kiến chia tiến sĩ - đỗ thi Đình - ra làm 3 bậc. Bậc nhất, gọi là tam khôi, gồm trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa. Bậc nhì, đứng đầu gọi là hoàng giáp, còn lại là tiến sĩ xuất thân. Bậc 3, gọi chung là tiến sĩ đồng xuất thân). Ông sinh năm 1805, mất năm 1881, người làng Tam Đẳng, Nghĩa Hưng, Nam Định, cáo quan về mở trường dạy học. Khi Pháp nổ tiếng súng xâm lược ở Đà Nẵng - 1858, ông và một số sĩ phu gửi sớ về triều tâu rõ ý chí quyết chiến, rồi chiêu mộ hơn 300 nghĩa dũng hành binh vào Huế xin đánh giặc). Đồng môn với anh đầu xứ Thắng sau này nhiều người tên ghi sử xanh như Tống Duy Tân, Đinh Công Tráng, Nguyễn Cao, những lãnh tụ Cần Vương chống Pháp.

Nguyễn Văn Thắng nhà nghèo, các bạn đã giúp thêm gạo tiền cho ăn học, vì vậy mỗi kỳ đại tập như thế, anh thường nhận việc xuống bếp thổi cơm. Có điều, trên nhà học, các bạn say mê bàn luận văn bài, cãi nhau chữ nghĩa, thì dưới bếp, chàng hàn sĩ tai vẫn chăm chú lắng nghe. Hễ nghe câu nào hay, anh



lại lấy que cời khuyên bữa lên ông đầu rau. Có lần cao hứng, khuyên quá mạnh tay, đến nỗi ông đầu rau đổ kênh ra, nồi cơm đang sôi, sập xuống bếp. Bữa cơm hôm ấy vừa sống vừa khê, các bạn kêu ca, đồ Thắng phải kể lại sự tình. Nhiều người không tin, bảo: "Phải vậy thì hãy nhắc lại vài câu đã nghe được xem sao!". Anh liền đọc vanh vách nhiều đoạn, nhiều bài mà các bạn đã bình hôm đó.

Lại chuyện, sắp lên đường ứng thí mà anh đồ Yên Đỗ vẫn chưa biết xoay ra ở đâu lộ phí, đành phải đánh đường đến nhờ một người bạn giúp đỡ. Ông này trước cùng anh theo đòi đèn sách ở trường cụ Đốc Phú Khê, nhưng liệu sức khó đạt khoa danh nên đã sớm rút về trông coi vườn ruộng, trở nên giàu có nhất vùng, tiền kho thóc đụn, trâu ruộng bề bề. Lâu ngày gặp nhau, đáng lẽ thì hàn huyên trước đã, song đang bước ngặt nghèo, nên Nguyễn Văn Thắng đành đường đột ngỏ lời ngay để nếu không được thì còn tìm cửa khác. Ông bạn gạt đi: - Chà! Chuyện ấy rồi đâu có đó. Chả mấy khi rông đến nhà tôm, hãy uống với nhau vài chén đã!

Thế rồi rượu vào thơ ra, chén khuyên chén sỗ, chén chú chén anh, cả hai lần ra đánh một giấc thoả thuê. Tỉnh dậy, người trong nhà đều ra đồng vắng cả. Ông bạn loay hoay: "Gay rồi, tiền nong để cả ở hòm trên gác thượng. Trẻ mỗ không có nhà, thang cũng không, anh em mình xoay xử sao đây? Nói rồi hăng hái kê án, tràng kỉ để leo nhưng không tới. Thầy đồ

Thắng bàn: "Tôi cao và khỏe hơn. Để tôi kiệu bác lên". Ông bạn bật cười bảo: "Ấy chết, thế ra tôi lại đi đề đầu cười cổ ông nghè, ông cống nay mai ư? Tội to!".

Thầy đồ Thắng vẫn ghé vai kiệu ông ta lên và cười chua chát:

- Bác cứ yên tâm! Bây giờ chữ "phú" vẫn thường đề chữ "quý" như thế này đây.

Vợ thầy đồ Thắng cũng con nhà nghèo. Thầy đồ ngồi dạy học các nơi trong vùng chỉ mong tự kiếm nổi cơm ăn áo mặc để tập luyện văn bài. Một mình cô đồ gánh vác công việc cửa nhà, phụng dưỡng mẹ chồng rất mực hiếu thuận. Thắng ba ngày tám, thư việc đồng áng, cô lại giỏ đeo thất lưng, xắn váy, cắm cúi lội đồng mò cua, bắt ốc,... Đi gặt, đi cấy thì cắm cúi quên tối quên trưa. Tham công tiếc việc đến nỗi hôm chồng thi hương đỗ thủ khoa về đến nhà, cô vẫn đang cấy mướn ở một cánh đồng xa. Người ta ra gọi, còn nấn ná vì sợ bỏ mất buổi công. Chị em giục mãi mới buông mạ lội tắt đồng mà về. Sau này, khi bà mất, ông buồn rầu thương nhớ lắm, tự tay viết câu đối khóc tha thiết:

- *Nhà chĩnh cũng nghèo thay, nhờ được bà hay lam hay làm, thất lưng bó que, xắn váy quai công, tất tả chân đầm đá chân chiêu, vì tờ đồ đàn trong mọi việc!*

- *Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vơ vất vưởng, búi tóc củ hành, buông quần lá toa, gặt gù tay đũa chạm tay chén, cùng ai kể lẽ chuyện trăm năm?*

Thầy đồ Thắng sắp lên đường thi hương ở trường Hà Nội. Cô đồ chạy xuôi chạy ngược, bán cả chiếc yếm cưới, mới được có năm tiền. Thầy đồ chạy quanh sang nhà bà cô, nói khó mãi bà mới cho vay mười lăm quan. Ít tiền quá, khi lên Hà Nội, thầy đồ không dám thuê chỗ ngủ như sĩ tử khác mà chỉ xin nhà trọ cho được nằm nhờ dưới bếp. Thi xong, ngày yết bảng, xướng danh chưa đến, nhưng tin đã lọt ra ngoài: Nguyễn Văn Thắng đỗ cử nhân đầu bảng. Bạn bè cuống quýt về báo, học trò các nơi náo nức đến tìm xem mặt thủ khoa. Người ta thấy ông thủ khoa đầu gối lên ống quyển, mình trùm chiếc áo dài nâu bạc, đang nằm còng queo ngủ ngon lành trên chiếc phản trơ trọi dưới bếp nhà trọ.

Trước khi đi thi, thầy đồ Thắng qua nhà ông anh rể chơi, ý muốn nhờ ông ta giúp cho ít nhiều làm tiền lộ phí. Nhưng vừa nói đến chuyện thi cử, ông anh rể đã bỗ bã:

- Ba keo mèο cắn cổ! Đàng này cậu đã bốn keo hương thí trượt vỏ chuối rồi? Tôi nói thật, cậu mà đỗ thì đến cái cối xay cùn nó cũng đổ!

Thầy đồ Thắng cay đắng, ngậm miệng ra về, rồi đành lên đường với số tiền lộ phí ít ỏi mà bà cô cho vay và bà vợ bán yếm cưới. Khi thầy đồ Thắng thi đỗ thủ khoa (1864), tiếng tăm lừng lẫy. Có người chạy đến nhà ông anh rể, báo tin đã mĩ mai:

- Cái cối xay cùn nó đỗ thủ khoa rồi đấy, ông sang mà ăn khao chứ!

Người học trò Nguyễn Văn Thắng ấy chính là thi hào Nguyễn Khuyến. Năm 1864, khi 30 tuổi mới đỗ giải nguyên (đỗ đầu thi Hương), song thi hội lại bị hỏng. Ông bèn nhất quyết ở lại Kinh đô Huế, tìm thầy giỏi theo học và đổi tên là Khuyến, tỏ ý khuyến khích việc học hành. Tám năm sau, năm 1871, mới đỗ đầu Hội thí, rồi ngay đó đỗ đầu Đình thí, nên người đời gọi ông là Tam nguyên Yên Đổ.

Đỗ đạt cao, Nguyễn Khuyến được bổ làm Đốc học (chức quan trông coi giáo dục) Thanh Hóa, rồi thăng Án sát (chức quan đứng thứ 3) Quảng Bình, Bố chánh (vị trí thứ 2) Quảng Nam, Quảng Ngãi. Đến năm 1882 thăng Tổng đốc (đứng đầu) Sơn Hưng Tuyên (3 tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang lúc bấy giờ). Thế rồi, chán cảnh triều đình ngày càng lệ thuộc vào thực dân pháp, làm quan mà không có thực quyền, trên đầu lúc nào cũng có các "ông Tây", đồng liêu (bạn cùng làm quan), phần lớn đều "vào luôn ra cúi", Nguyễn Khuyến từ quan về ở ẩn tại quê nhà. Ông mất năm 1909, hưởng thọ 75 tuổi.

Cho đến chết, Nguyễn Khuyến vẫn khư khư "không chịu dính dáng" đến chế độ thuộc địa thực dân mà ông đang sống. Ông di chúc lại con cháu, chỉ cần "Đề vào mấy chữ trong bia/Rằng quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu".

Sự nghiệp còn lại của Nguyễn Khuyến là thi ca. Nhưng đó là một sự nghiệp lẫy lừng. Cùng với